ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09/2007/QĐ-UBND	*Đông Hà, ngày 23 tháng 5 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/UBTVQH ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND ngày 12/4/2007 của HĐND tỉnh khoá V, kỳ họp thứ 9 về việc Thông qua Đề án sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại các Tờ trình số 632/TTr-STC ngày 08/5/2007 và số 705/TTr-STC ngày 17/5/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các loại phí và lệ phí áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các loại phí

1.1. Phí an ninh, trật tự

- Phí an ninh, trật tự đã được HĐND tỉnh quy định tại Nghị quyết số 12c/2004/NQ-HĐND ngày 15/3/2004, trong đó tên gọi là phí quốc phòng- an ninh, trật tự nay điều chỉnh tên gọi thành phí an ninh, trật tự (Mức thu phí giữ nguyên theo quy định tại Nghị quyết số 12c/2004/NQ-HĐND ngày 15/3/2004 của HĐND tỉnh);

- Phí an ninh, trật tự là khoản thu đối với các tổ chức, hộ gia đình cư trú trên địa bàn địa phương, là một trong những nguồn kinh phí của quỹ an ninh, trật tự của địa phương, nhằm mục đích hỗ trợ thêm cho hoạt động giữ gìn an ninh, trật tự ở địa phương của công an xã, phường, thị trấn, đội dân phòng, tổ tuần tra;

- Đối tượng được miễn thu phí:

+ Hộ gia đình có người thuộc diện cứu trợ xã hội thường xuyên gồm: Trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ; người già không nơi nương tựa và người già còn vợ chồng nhưng già yếu; người tàn tật nặng; người tâm thần mãn tính;

+ Hộ gia đình thương binh, liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng;

- Đối tượng được giảm thu phí: Giảm thu 50% đối với hộ nghèo theo quy định.

(1.2. Phí đấu giá; 1.3. Phí thư viện và 1.4 Phí tham quan di tích lịch sử đã được đăng tại mục 1.2; 1.3 và 1.4 của Điều 1 Nghị quyết 06/2007/NQ-HĐND khóa V, kỳ họp thứ 9 ngày 12/4/2007 về việc Thông qua Đề án sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, trang 29 và 30 tại Công báo số 08/2007)

1.5. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất

- Đối với hộ gia đình, cá nhân: 50.000đồng/hồ sơ
- Đối với tổ chức: 200.000đồng/hồ sơ

1.6. Học phí

a) Mức thu học phí của các cấp học: Đồng/học sinh/tháng

TT	Ngành học	Mức thu		
		Thị xã	Đồng bằng, thị trấn	Miền núi thấp, miền biển
1	Công lập			
a)	Nhà trẻ, mẫu giáo	50.000	20.000	13.000
b)	Trung học cơ sở, bổ túc cơ sở	20.000	10.000	5.000
c)	Trung học phổ thông	35.000	25.000	10.000
d)	Bổ túc trung học	100.000	80.000	40.000
2	Bán công, dân lập, tư thục			
a)	Mầm non, tiểu học	80.000	60.000	50.000
b)	Trung học cơ sở	100.000	80.000	60.000
c)	Trung học phổ thông	120.000	100.000	80.000

b) Mức đóng góp tiền xây dựng trường học: Đồng/học sinh/năm

TT	Ngành học	Mức đóng góp (đồng)	
		Vùng thị xã, thị trấn	Vùng khác
1	Công lập		
a)	Mầm non	100.000	70.000
b)	Tiểu học	100.000	80.000
c)	Trung học cơ sở	120.000	100.000
d)	Trung học phổ thông	150.000	120.000
e)	Bổ túc trung học	150.000	120.000
2	Bán công, dân lập, tư thục		

a)	Mầm non, tiểu học	120.000	80.000
b)	Trung học cơ sở	150.000	100.000
c)	Trung học phổ thông	180.000	120.000

c) Học phí học nghề tại Trung tâm Kỹ thuật hướng nghiệp (Không tính nghề phổ thông):

- Đối tượng không phải học sinh phổ thông: 70.000đồng/học sinh/tháng;
- Học sinh hướng nghiệp dạy nghề phổ thông: 70.000đồng/1 chứng chỉ nghề;

d) Học phí các lớp ngoại ngữ 10 tháng/chương trình Bộ Giáo dục quy định:

- Chứng chỉ A: 200.000đồng/chứng chỉ;
- Chứng chỉ B: 250.000đồng/chứng chỉ;
- Chứng chỉ C: 300.000đồng/chứng chỉ;

e) Phí dự thi, dự tuyển:

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức thu
1	Tuyển sinh vào lớp 1	Đồng/học sinh	5.000
2	Tuyển sinh vào lớp 6 (THCS)	Đồng/học sinh	10.000
3	Xét tuyển sinh vào lớp 10 (THPT)	Đồng/học sinh	20.000
4	Thi tuyển sinh vào lớp 10 (THPT)	Đồng/học sinh	30.000

(Các nội dung từ 1.7- 1.16 đã được đăng tại các mục từ 1.7- 1.16 Điều 1 Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND khoá V, trang 34- 36, Công báo số 08/2007)

(Ban hành mới các loại lệ phí và bãi bỏ các loại phí và lệ phí đã được đăng tại Điều 1 Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND khóa V, trang 36- 43, Công báo số 08/2007)

Điều 2. Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của UBND tỉnh trái với quy định này đều bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc